TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 75/2026/QĐST- V	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 332/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1989, số CCCD: 031189009934, cấp ngày 23-04-2024 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện tại: A2 13.7 chung cư 21 tầng DII-I Trung tâm đô thị Chí Linh, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Ông Phùng Quang D, sinh năm 1987, số CCCD: 0031087006443,cấp ngày 06-02-2024 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Địa chỉ hiện nay: Số I D, phường V, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D đang thực tế sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn của bà H và ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D có 02 (hai) con chung tên Phùng Đức N, sinh ngày 28-02-2016 và Phùng Bảo N1, sinh ngày 01-01-2018. Ngoài ra bà H và ông D không có con nuôi. Theo sự lựa chọn của các con và sự thỏa thuận của bà H và ông D, giao con chung là cháu Phùng Bảo N1 cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Phùng Đức N cho ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà H và ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về Lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Phùng Quang D mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025387 và ông D đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025392 cùng ngày 21-04-2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H, ông D đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS khu vực 11, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND phường Đằng Giang,Tp. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lương